TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 20-02-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin;

Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 932/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Vũ Hoàng N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trần Thống E, sinh năm 1987.

Địa chỉ: C Lô B, Đường D, khu dân cư P, ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lại Thị Huỳnh N1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà N, bà N1 có đơn xin vắng mặt; ông E vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày *15/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Hoàng N trình bày như sau:*

Ngày 18/3/2023, bà có cho vợ chồng ông Trần Thống E và bà Lại Thị Huỳnh N1 vay số tiền 1.800.000.000 đồng để cho vợ chồng ông E, bà N1 đáo hạn Ngân hàng và xoay sở công chuyện làm ăn của gia đình. Khi cho vay, hai bên có lập thành văn bản là hợp đồng mượn tiền, các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, các bên thỏa thuận chậm nhất đến ngày 31/10/2023 ông E, bà N1 phải thanh toán số tiền 1.800.000.000đ cho bà N. Tiếp đến ngày 15/8/2023, ông Thống E và bà Huỳnh N1 tiếp tục hỏi vay bà N số tiền 1.300.000.000đồng, mục đích để cho vợ chồng ông E, bà N1 đáo hạn Ngân hàng và xoay sở công chuyện làm ăn của gia đình. Khi cho vay, hai bên cũng có lập thành văn bản là hợp đồng mượn tiền, các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng nhưng không ghi trong hợp đồng và thỏa thuận thời hạn vay tiền là từ ngày 15/8/2023 đến chậm nhất ngày 31/10/2023. Khi vay, ông Thống E và bà Huỳnh N1 không có thế chấp tài sản cho bà N.

Đến ngày 03/11/2023 và ngày 12/11/2023 ông E có chuyển khoản trả cho bà N hai lần, mỗi lần là 70.000.000đồng, tổng cộng là 140.000.000đồng. Bà đồng ý cấn trừ vào số tiền gốc. Từ đó đến nay, ông Trần Thống E và bà Lại Thị Huỳnh Như k thanh toán thêm cho bà N bất kỳ khoản tiền gốc và lãi vay nào. Mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Thống E và bà Huỳnh N1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Theo đơn khởi kiện thì bà N yêu cầu ông Trần Thống E và bà Lại Thị Huỳnh N1 phải liên đới hoàn trả cho bà N tổng số tiền vay là 3.100.000.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/11/2023 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án theo mức lãi suất pháp luật quy định là 10%/năm. Sau đó bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu ông Thống E có nghĩa vụ trả nợ cho bà, không yêu cầu bà N1 phải liên đới trả nợ, đối với số tiền gốc thì cấn trừ số tiền 140.000.000đồng. Ngoài ra, bà N không có ý kiến và yêu cầu gì khác. Số tiền bà N cho ông E vay là tiền riêng của bà, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Bị đơn ông Trần Thống E vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lại Thị Huỳnh N1 trình bày như sau:

Bà và ông Trần Thống E là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên bà và ông Thống E đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 93/2023/QĐCNTTLH ngày 05/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Hiện bà đang nuôi con chung, ông E không cấp dưỡng nuôi con.

Việc ông Thống E vay mượn tiền của bà N thì bà hoàn toàn không biết nên bà không đồng ý liên đới trả nợ cùng ông Thống E. Ngoài ra bà N1 không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Các đương sự xác định không cung cấp chứng cứ, tài liệu mới, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Tòa án đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng cho ông Trần Thống E theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông E biết Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà N nhưng ông E không tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, ông Trần Thống E vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà N và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Vũ Hoàng N bận đi làm nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa bà Nguyễn Vũ Hoàng N và ông Trần Thống E vào ngày 18/3/2023 và ngày 15/8/2023. Buộc ông Trần Thống E có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Vũ Hoàng N số tiền gốc đã vay là 3.100.000.000đồng, cấn trừ số tiền 140.000.000đồng ông E đã chuyển khoản trả cho bà N vào ngày 03/11/2023 và 12/11/2023 và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 01/11/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Vũ Hoàng N khởi kiện yêu cầu buộc ông Trần Thống E trả lại cho bà N số tiền vay là 3.100.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông E cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện

Đức Hòa, tỉnh Long An xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Thồng E1 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về phạm vi giải quyết: Do trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Hoàng N yêu cầu ông Trần Thống E có nghĩa vụ hoàn trả cho bà N số tiền gốc đã vay là 3.100.000.000đồng, cấn trừ số tiền 140.000.000đồng ông E đã chuyển khoản trả cho bà N vào ngày 03/11/2023 và 12/11/2023 và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày ngày 01/11/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Hoàng N về yêu cầu trả tiền gốc vay là 3.100.000.000đồng theo "Hợp đồng mượn tiền" vào các ngày 18/3/2023 và 15/8/2023 được ký kết giữa bà N và ông E, thấy rằng:

[2.1.1] Vào các ngày 18/3/2023 và 15/8/2023 giữa bà N và ông E có ký hai "Hợp đồng mượn tiền", tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên tham gia giao dịch đều có đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực pháp luật dân sự, việc giao kết hợp đồng xuất phát từ ý chí tự nguyện của các bên, không bị ép buộc, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 117 Bộ luật Dân sự. Do đó, có căn cứ xác định hai "Hợp đồng mượn tiền" được ký kết giữa bà N và ông E là có hiệu lực pháp luật.

[2.1.2] Ngay sau khi ký hợp đồng mượn tiền thì bà N đã giao đủ cho ông Trần Thống E tổng số tiền là 3.100.000.000đồng vào các ngày 18/3/2023 và 15/8/2023. Hai bên thỏa thuận thời gian chậm nhất là vào ngày 31/10/2023 ông E phải hoàn trả đầy đủ tổng số tiền gốc 3.100.000.000đồng cho bà N. Đến ngày 03/11/2023 ông Thống E có chuyển khoản vào số tài khoản của bà N để trả nợ gốc số tiền 70.000.000đồng và ngày 12/11/2023 ông E tiếp tục chuyển khoản vào số tài khoản của bà N để trả nợ gốc số tiền 70.000.000đồng. Ngoài ra ông E chưa trả cho bà Ngân khoản tiền lãi nào mặc dù hai bên có thỏa thuận mức lãi

suất là 2%/tháng nhưng không ghi vào trong hợp đồng, cũng không trả thêm khoản tiền gốc nào cho bà N.

[2.1.3] Căn cứ theo hai hợp đồng mượn tiền vào các ngày 18/3/2023 và 15/8/2023 thì có chữ ký của hai bên là ông Trần Thống E và bà Nguyễn Vũ Hoàng N. Theo Kết luận giám định số 7738/KL-KTHS ngày 19/12/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thì Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thống E dưới mục "Bên A" trên hai hợp đồng mượn tiền là chữ ký, chữ viết của ông Trần Thống E.

Từ những phân tích nêu trên thấy rằng việc bà N yêu cầu ông Trần Thống E hoàn trả số tiền vay gốc 3.100.000.000đồng sau khi cấn trừ số tiền đã nhận là 140.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của bà N về việc yêu cầu ông E trả lãi theo mức lãi suất 0,83%tháng từ ngày 01/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, thấy rằng:

[2.2.1] Do ông Thống E có ký hai hợp đồng mượn tiền, có nhận tổng số tiền 3.100.000.000đồng từ bà N nên phải có trách nhiệm trả lãi theo quy định. Bà N trình bày bà và ông E thỏa thuận thời gian chậm nhất là vào ngày 31/10/2023 ông E phải hoàn trả đầy đủ tổng số tiền gốc 3.100.000.000đồng cho bà N, mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng nhưng không ghi vào trong hợp đồng. Do ông E vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến về mức lãi suất vay, bà N yêu cầu ông E trả lãi theo mức lãi suất 0,83%tháng là có lợi cho ông E nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N.

[2.2.2] Từ phân tích nêu trên có cơ sở để xác định hợp đồng vay tiền giữa bà N và ông E là hợp đồng vay không có lãi, có thời hạn nên lãi suất được tính như sau:

* Tiền lãi của tháng đầu tiên từ ngày 01/11/2023 đến ngày 30/11/2023 là:

3.100.000.000đồng x 0,83%/tháng x 01 tháng là 25.730.000đồng.

Cấn trừ số tiền gốc bà N đã nhận vào tháng 11/2023 là 3.100.000.000đồng - 140.000.000 đồng, là 2.960.000.000đồng.

* Tiền lãi từ ngày 01/12/2023 đến ngày 20/02/2024 tổng cộng 02 tháng 19 ngày là: 2.960.000.000đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng 19 ngày là 64.695.733 đồng.

Tổng số tiền ông E phải trả cho bà N là 2.960.000.000đồng + 25.730.000đồng + 64.695.733đồng là 3.050.425.733đồng.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí đăng báo và giám định tổng cộng là 10.000.000đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông E phải chịu số tiền này. Bà N đã nộp và chi xong, ông E có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà N số tiền 10.000.000đồng này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn ông E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Vũ Hoàng N đối với bị đơn ông Trần Thống E về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Trần Thống E hoàn trả cho bà Nguyễn Vũ Hoàng N tổng số tiền là 3.050.425.733 đồng (Ba tỷ không trăm năm mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí đăng báo và giám định: Ông E phải chịu 10.000.000đồng (mười triệu đồng). Bà N đã nộp và chi xong, buộc ông E có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà N số tiền 10.000.000đồng này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Trần Thống E phải chịu 93.008.515đồng (chín mươi ba triệu không trăm lẻ tám nghìn năm trăm mười

lăm đồng) sung vào ngân sách Nhà nước. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Vũ Hoàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.000.000đồng theo biên lai thu số 0005343 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm